

Số: 46 /QĐ-VSDTTU

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý, triển khai hợp đồng khoa học công nghệ với đối tác quốc tế của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-BYT ngày 23/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Thông tư 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BYT ngày 18/12/2023 quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ y tế

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

Căn cứ Quyết định 440/QĐ-TTg ngày 22/5/2024 ban hành Danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực Y tế

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BYT ngày 21/8/2024 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 20/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TW ngày 13/7/2023 của Bộ chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Căn cứ Quyết định số 2670/QĐ-BYT ngày 26/4/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Bộ Y tế;



Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học công nghệ số A-1327 ngày 25/6/2015 của Bộ Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quy chế quản lý công tác hợp tác quốc tế của Viện ban hành theo Quyết định số 1203/QĐ-VSDTTU ngày 18/9/2023;

Căn cứ góp ý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 50-NQ-ĐU ngày 26/12/2025 của Đảng ủy Viện sinh dịch tễ Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Hợp tác Quốc tế.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, triển khai hợp đồng khoa học công nghệ với đối tác quốc tế của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 3.** Các ông, bà: Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện, viên chức, người lao động thuộc Viện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHQT.

**VIỆN TRƯỞNG**  
**VIỆN**  
**VỆ SINH DỊCH TỄ**  
**TRUNG ƯƠNG**  
**Phan Trọng Lân**



## QUY ĐỊNH

### **Về quản lý, triển khai hợp đồng khoa học công nghệ với đối tác quốc tế của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**

(ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-VSDTTU

ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định thống nhất việc quản lý, triển khai hợp đồng khoa học và công nghệ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương với đối tác quốc tế bao gồm các hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ của Viện.

Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng dịch vụ ký với đối tác quốc tế để cung cấp trọn gói các dịch vụ đã có định mức kinh tế kỹ thuật, giá được phê duyệt, có tính chất thường quy như xét nghiệm, tiêm chủng, hiệu chuẩn, ngoại kiểm, đào tạo kỹ thuật... và các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ký với đối tác quốc tế (như phát triển công nghệ; phát triển giải pháp xã hội, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo...)

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này được áp dụng đối với các Văn phòng, Khoa, Phòng, Trung tâm (gọi tắt là “Đơn vị”) thuộc và trực thuộc Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng tri thức khoa học để tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, đời sống kinh tế - xã hội. .

3. *Dịch vụ khoa học và công nghệ* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

4. *Hợp đồng khoa học và công nghệ*: là văn bản ký kết giữa Viện và đối tác quốc tế để triển khai hoạt động khoa học và công nghệ. Tùy theo quy định, yêu cầu của đối tác, hợp đồng có thể có hình thức là loại văn bản không được 2 bên cùng ký nhưng có nội dung ràng buộc trách nhiệm của 2 bên (ví dụ thư thông báo tài trợ kèm theo các điều khoản ràng buộc).

5. *Đối tác quốc tế*: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài, không bao gồm các tổ chức phi chính phủ nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 58/2022/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

6. *Đơn vị đầu mối*: là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc kết nối, tổ chức và quản lý các nguồn lực trong việc xây dựng, thương thảo nội dung hoạt động, nội dung hợp đồng và tổ chức thực hiện hợp đồng.

#### **Điều 4. Xây dựng nội dung hoạt động của hợp đồng**

1. Đơn vị đầu mối chủ động trao đổi với đối tác về các nội dung chuyên môn, kỹ thuật của hợp đồng khoa học và công nghệ (KH-CN).

2. Phòng Kế hoạch – Hợp tác quốc tế (KH-HTQT) phối hợp với các đơn vị đầu mối trong việc trao đổi với đối tác nhằm xác định:

- Tính chất của hoạt động là viện trợ hay hợp tác KH-CN
- Kết quả của hoạt động có ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người được quy định tại điều 37, Luật KH-CN và điều 14, 15, 16 của thông tư 02/2015/TT-BKH-CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước hay không.
- Nội dung hoạt động có thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế về nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuốc, thiết bị y tế, kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh và các nghiên cứu y sinh học khác trên đối tượng con người theo quy định của Thông tư số 24/2023/TT-BYT ngày 18/12/2023 quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế hay không.

#### **Điều 5. Xin ý kiến Tập thể lãnh đạo Viện về chủ trương thực hiện hợp đồng**

1. Đơn vị đầu mối lập tờ trình Tập thể lãnh đạo Viện (Đảng ủy) xin chủ trương thực hiện theo hình thức hợp đồng khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm giải trình các ý kiến (nếu có).

2. Việc xin ý kiến Tập thể lãnh đạo Viện về chủ trương thực hiện hợp đồng thực hiện theo Quy định về nội dung, quy trình xin ý kiến Ban chấp hành đảng bộ Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

#### **Điều 6. Xin ý kiến Cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan**

1. Đơn vị đầu mối phối hợp với P. KH-HTQT xin ý kiến Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch-Tài chính, Cục Phòng bệnh, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế và Cục An ninh chính trị nội bộ Bộ Công an đối với tất cả các hợp đồng.

2. Đơn vị đầu mối lấy văn bản đồng ý phối hợp của các cơ quan tham gia thực hiện hợp đồng.

3. Tùy theo nội dung hoạt động, đối tác và yêu cầu của Bộ Y tế, đơn vị đầu mối phối hợp với P. KH-HTQT xin ý kiến các Vụ, Cục, Bộ, Ngành liên quan khác.

#### **Điều 7. Hoàn thiện nội dung hoạt động và Xây dựng, thương thảo nội dung của hợp đồng**

1. Trên cơ sở đồng ý chủ trương của Đảng ủy Viện, của Bộ Y tế, Bộ Công An và các Bộ, ngành liên quan, các đơn vị đầu mối trao đổi với đối tác để điều chỉnh, hoàn thiện các nội dung chuyên môn, kỹ thuật, quản lý của hợp đồng.

2. Trong quá trình thương thảo, Phòng KH-HTQT, phòng Tài chính kế toán (TCKT) và các đơn vị liên quan (tùy theo nội dung của hợp đồng) phối hợp với đơn vị đầu mối trong việc xây dựng và thống nhất với đối tác nội dung của hợp đồng đảm bảo phù hợp với quy định của Việt Nam:

- Đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật nêu trong hợp đồng và xây dựng dự toán các chi phí trực tiếp của hoạt động, tổng hợp các ý kiến góp ý của các đơn vị để trao đổi, thương thảo với đối tác.
- Phòng TCKT chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến công tác quản lý tài chính, kế toán, tài sản của hợp đồng như chính sách thuế, tài khoản tiếp nhận kinh phí, tài sản hình thành từ hợp đồng.
- Phòng Hành chính – Vật tư (HCVT) chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật thông tin, tài liệu, tiếp nhận, quản lý hàng hóa, tài sản hình thành từ hợp đồng, quản lý cơ sở hạ tầng, nội vụ.
- Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB) chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến quản lý nhân sự, chế độ, chính sách, đào tạo cán bộ.
- Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học (ĐT&QLKH) chịu trách nhiệm các nội dung liên quan đến khía cạnh khoa học, y đức.

– Phòng KH-HTQT chịu trách nhiệm với các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế, chia sẻ dữ liệu, nguồn gen, lợi ích, quản lý và giám sát chung.

3. Trong quá trình thương thảo các đơn vị thường xuyên báo cáo, xin ý kiến Phó viện trưởng phụ trách chuyên môn và Phó viện trưởng phụ trách kinh tế về các nội dung còn vướng mắc của hợp đồng. Trường hợp cần thiết thì báo cáo, xin ý kiến Viện trưởng.

### **Điều 8. Trình ký hợp đồng**

1. Đơn vị đầu mối lập tờ trình đề nghị ký hợp đồng khoa học công nghệ kèm theo dự thảo hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng (như đề cương/thuyết minh nội dung hoạt động, văn bản phối hợp của các đơn vị liên quan...), gửi Phòng KH-HTQT.

2. Phòng KH-HTQT là đầu mối lấy ý kiến chính thức của các đơn vị trong Viện (nêu tại bước 3, thời gian xem xét, cho ý kiến: tối đa 3 ngày làm việc/đơn vị), Phó viện trưởng phụ trách chuyên môn và Phó viện trưởng phụ trách kinh tế, trình Viện trưởng xem xét, ký duyệt hợp đồng.

3. Tùy theo hợp đồng, Viện trưởng có thể phân công, ủy quyền cho Phó viện trưởng hoặc Giám đốc Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ y sinh xem xét, ký duyệt hợp đồng.

4. Đơn vị đầu mối gửi hợp đồng đã ký hoàn chỉnh cho P. TCKT (01 bản gốc), Phòng KH-HTQT (01 bản sao) và các đơn vị liên quan trong Viện (bản sao) để thực hiện. Phòng KH-HTQT gửi 01 bản sao hợp đồng đã ký kết gửi Bộ Y tế (Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch-Tài chính và các Vụ/Cục đã lấy ý kiến) để báo cáo trong vòng 15 ngày sau khi hợp đồng được ký.

5. Trường hợp hợp đồng chỉ được ký kết bằng tiếng Anh, đơn vị đầu mối dịch công chứng hợp đồng sang tiếng Việt gửi Phòng TCKT.

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện hợp đồng**

1. Trên cơ sở nội dung của hợp đồng, đơn vị đầu mối lập đề xuất thành viên tham gia Ban quản lý hợp đồng (BQLHĐ) và dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của (BQLHĐ) gửi P. TCCB. P. TCCB là đầu mối rà soát và soạn thảo trình Viện trưởng ban hành quyết định thành lập Ban quản lý hợp đồng, Quy chế Tổ chức và hoạt động của BQLHĐ.

2. BQLHĐ có trách nhiệm triển khai thực hiện hợp đồng theo nội dung đã ký kết với đối tác và tuân thủ các quy định quản lý liên quan của Việt Nam và của Viện như: lập kế hoạch hoạt động theo năm, dự toán thu chi nguồn sản xuất kinh doanh dịch vụ hàng năm, thanh quyết toán, báo cáo 6 tháng, 1 năm, mua sắm đầu

thầu, quản lý tài sản, quản lý khoa học, quản lý đoàn vào, quản lý hội nghị hội thảo quốc tế, chia sẻ nguồn gen ra nước ngoài,...

3. Trong quá trình triển khai, nếu có các phát sinh, điều chỉnh nội dung hoạt động, nội dung hợp đồng thì các đơn vị phối hợp thực hiện theo trình tự từ Điều 7 của Quy định.

#### **Điều 10. Giám sát, theo dõi thực hiện hợp đồng**

1. BQLHĐ chịu trách nhiệm báo cáo tiến độ hoạt động, tiến độ giải ngân định kỳ 6 tháng, 1 năm, báo cáo cuối kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

2. Phòng KH-HTQT đầu mối xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động của hợp đồng có sự phối hợp của các đơn vị liên quan. Kinh phí giám sát được chi trả từ kinh phí của hợp đồng hoặc các nguồn hợp pháp khác.

3. Thực hiện kiểm toán hợp đồng theo yêu cầu của đối tác (kinh phí do hợp đồng KHCN chi trả) hoặc kiểm toán theo kế hoạch chung của Viện.

#### **Điều 11. Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng**

1. Sau khi kết thúc hợp đồng, BQLHĐ lập báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng (báo cáo cuối kỳ) bao gồm nội dung kỹ thuật và tài chính và dự thảo thanh lý hợp đồng. Trường hợp quy định của đối tác không ký thanh lý hợp đồng, việc nghiệm thu kết quả và kết thúc hợp đồng cần được đối tác xác nhận bằng văn bản.

2. BQLHĐ lập tờ trình kèm theo báo cáo cuối kỳ và dự thảo thanh lý hợp đồng gửi P. KH-HTQT.

3. P. KH-HTQT đầu mối lấy ý kiến đối với báo cáo cuối kỳ và dự thảo thanh lý hợp đồng từ các đơn vị liên quan trong Viện, Phó viện trưởng phụ trách chuyên môn và Phó viện trưởng phụ trách kinh tế, trình Viện trưởng xem xét, ký duyệt thanh lý hợp đồng. Tùy theo hợp đồng, Viện trưởng có thể phân công, ủy quyền cho Phó viện trưởng hoặc Giám đốc Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ y sinh xem xét, ký duyệt thanh lý hợp đồng.

4. BQLHĐ gửi thanh lý hợp đồng đã ký hoàn chỉnh cho P. TCKT (bản gốc), Phòng KH-HTQT (01 bản sao) và các đơn vị liên quan trong Viện (bản sao) để theo dõi. Phòng KH-HTQT lưu 01 bản sao của thanh lý hợp đồng và 01 bản gốc báo cáo cuối kỳ của hợp đồng.

5. Trường hợp thanh lý hợp đồng chỉ được ký kết bằng tiếng Anh, đơn vị đầu mối dịch công chứng hợp đồng sang tiếng Việt gửi Phòng TCKT.

6. BQLHĐ chịu trách nhiệm hoàn thành các thủ tục liên quan đến xử lý tài sản, quyết toán kinh phí sau khi kết thúc hợp đồng theo quy định hiện hành.

7. BQLHĐ tự động giải thể sau khi kết thúc hợp đồng và hoàn thành các thủ

tục liên quan đến báo cáo cuối kỳ, xử lý tài sản, quyết toán kinh phí.

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện Quy định**

1. Lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện có trách nhiệm phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này trong phạm vi đơn vị

2. Phòng Kế hoạch – Hợp tác quốc tế là đầu mối giúp Viện trưởng đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Quy định này và xây dựng các hướng dẫn mẫu biểu thực hiện quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị có trách nhiệm phản ánh bằng văn bản (qua phòng KH-HTQT) để Lãnh đạo Viện xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định.

vandc.ninh-don-vi-01020216:3321  


